

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No. ~~2/24~~ TCO- CBTT

TP. Hải Phòng, ngày 07 tháng 03 năm 2024
Hai Phong city, March 07th, 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN
CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức / *Organization name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN TCO HOLDINGS**

- Mã chứng khoán/ *Security Symbol*: TCO
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 - Điện thoại/ *Telephone*: 076 806 4686
 - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông/ Mr. Bùi Lê Quốc Bảo
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

2. Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure (*)*:

Công ty cổ phần TCO Holdings công bố thông tin về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 được kiểm toán và công văn giải trình biến động lợi nhuận năm 2023.

The TCO Holdings Joint Stock Company discloses information on the audited consolidated financial statements and explanation letter for P&L movements of 2023.

3. Công ty đã đăng tải các tài liệu này trên website tại địa chỉ: <https://www.tasaduyenhai.com/vi/co-dong/thong-tin-tai-chinh.html>. *We have also posted these documents on our website at: <https://www.tasaduyenhai.com/vi/co-dong/thong-tin-tai-chinh.html>.*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*

Tài liệu đính kèm/ *Attachment*:

- BCTC hợp nhất/ *Consolidated Financial statements*;
- Giải trình/ *Explanation letter*.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE



Bùi Lê Quốc Bảo

Số: 19 /2024/CV-TCO

Hải Phòng, ngày 04 tháng 03 năm 2024

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế
của Báo cáo tài chính năm 2023 sau kiểm
toán

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; và
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 được kiểm toán và so với cùng kỳ năm 2022 của Công ty Cổ phần TCO Holdings và các công ty con.

Công ty Cổ phần TCO Holdings (“Công ty”) xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Biến động	
			Giá trị	%
Báo cáo tài chính riêng sau kiểm toán				
- Lợi nhuận sau thuế	6.734.541.587	8.948.576.903	(2.214.035.316)	24,7%
Báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán				
- Lợi nhuận sau thuế	7.182.250.123	41.077.928.530	(33.895.678.407)	82,5%

Báo cáo tài chính riêng: lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 giảm 2,2 tỷ (tương đương 24,7%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do các nguyên nhân:

- Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ giảm 68,9 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước làm cho lợi nhuận gộp giảm 9,3 tỷ. Doanh thu giảm chủ yếu đến từ các nguyên nhân:
 - o Do tình hình kinh tế khó khăn, doanh thu sản xuất kinh doanh dịch vụ sụt giảm sản lượng vì các khách hàng không có đơn hàng xuất nhập khẩu.
 - o Tái cấu trúc các hoạt động của Công ty: các hoạt động chính như dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị; cung cấp dịch logistics và dịch vụ đại lý tàu biển được chuyển xuống cho các công ty con thực hiện.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 2,3 tỷ chủ yếu đến từ các hợp đồng hợp tác đầu tư.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 4,3 tỷ nguyên nhân chủ yếu đến từ chi phí nhân viên. Công ty thực hiện tái cấu trúc hoạt động, nhân viên từ Công ty chuyển sang ký hợp đồng với công ty con dẫn đến chi phí nhân sự giảm.

Báo cáo tài chính hợp nhất: lợi nhuận hợp nhất sau thuế TNDN năm 2023 giảm 33,9 tỷ (tương đương 82,5%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó :

- o Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 2,4 tỷ.
- o Lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm 31,5 tỷ chủ yếu do năm trước công ty phát sinh lãi từ thoái vốn Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia với số tiền 42,4 tỷ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC 


BỘ LÊ QUỐC BẢO



Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 48

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần TCO Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH & ĐT") Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 09/2012/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 27 tháng 2 năm 2012.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sửa chữa máy móc, thiết bị; cung cấp dịch vụ logistics, và dịch vụ đại lý tàu biển; và buôn bán gạo.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 189 đường đi Đình Vú, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2023
Ông Phạm Duy	Chủ tịch	giữ chức vụ từ ngày 30 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023
	Thành viên	từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Nam Hùng	Thành viên	giữ chức vụ từ ngày 30 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023
	Chủ tịch	từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch	kết thúc nhiệm kỳ ngày 24 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch	kết thúc nhiệm kỳ ngày 24 tháng 6 năm 2023
Ông Phan Thanh Bình	Phó Chủ tịch	kết thúc nhiệm kỳ ngày 24 tháng 6 năm 2023
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2023
Ông Đào Việt Hoa	Thành viên	kết thúc nhiệm kỳ ngày 24 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2023
Ông Phạm Trần Ái Trung	Thành viên độc lập	giữ chức vụ từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên độc lập	kết thúc nhiệm kỳ ngày 24 tháng 6 năm 2023

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HĐQT

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Anh Dũng	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2023
Ông Phạm Trần Ái Trung	Chủ tịch	giữ chức vụ từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Chủ tịch	kết thúc nhiệm kỳ ngày 24 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2023
Ông Phạm Duy	Thành viên	giữ chức vụ từ ngày 30 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023
Ông Nguyễn Nam Hùng	Thành viên	giữ chức vụ từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Đào Việt Anh	Thành viên	kết thúc nhiệm kỳ ngày 24 tháng 6 năm 2023

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Lê Quốc Bảo
Ông Nguyễn Nam Hùng

bổ nhiệm ngày 14 tháng 9 năm 2023
giữ chức vụ từ ngày 4 tháng 7 năm 2023
đến ngày 14 tháng 9 năm 2023
miễn nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2023

Ông Phan Thanh Bình

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Lê Quốc Bảo
Ông Phạm Duy

từ ngày 23 tháng 11 năm 2023
từ ngày 8 tháng 7 năm 2023
đến ngày 23 tháng 11 năm 2023
đến ngày 8 tháng 7 năm 2023

Ông Đàm Mạnh Cường

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TCO Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải) ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12948361/67607352-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần TCO Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần TCO Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải) ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 1 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Phạm Ninh Tùng
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5631-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		864.898.262.537	321.621.683.479
110	I. Tiền	5	3.732.860.044	1.983.025.208
111	1. Tiền		3.732.860.044	1.983.025.208
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		54.920.581.824	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	54.920.581.824	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		736.932.654.707	319.434.491.587
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	7	44.777.224.718	8.066.067.099
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	693.129.704.205	70.234.624.456
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	305.861.341	241.133.800.032
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(1.280.135.557)	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	57.089.215.875	130.296.375
141	1. Hàng tồn kho		57.363.654.238	130.296.375
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(274.438.363)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.222.950.087	73.870.309
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	453.241.300	54.172.919
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	11.769.708.787	1.041.625
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18	-	18.655.765
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		302.295.429.662	2.415.876.696
210	I. Khoản phải thu dài hạn		534.342.260	467.808.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	534.342.260	467.808.000
220	II. Tài sản cố định		91.261.401.693	842.986.659
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	72.932.837.595	842.986.659
222	Nguyên giá		100.728.413.220	1.323.944.547
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(27.795.575.625)	(480.957.888)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	18.328.564.098	-
228	Nguyên giá		19.333.463.806	-
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.004.899.708)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		9.964.352.164	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	9.964.352.164	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		1.000.000.000	-
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	1.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		199.535.333.545	1.105.082.037
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.916.085.706	1.105.082.037
269	2. Lợi thế thương mại	15	197.619.247.839	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.167.193.692.199	324.037.560.175

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		850.877.703.660	14.782.386.520
310	I. Nợ ngắn hạn		824.514.607.660	14.767.386.520
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	8.665.984.345	2.407.511.941
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	379.895.649.633	193.182.254
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	9.071.817.410	774.297.198
314	4. Phải trả người lao động		283.922.213	1.657.558.550
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	4.328.384.485	671.758.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	4.328.702.957	8.121.704.502
320	7. Vay ngắn hạn	21	416.460.536.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	1.479.610.617	941.374.075
330	II. Nợ dài hạn		26.363.096.000	15.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	15.000.000
338	2. Vay dài hạn	21	26.363.096.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		316.315.988.539	309.255.173.655
410	I. Vốn chủ sở hữu		316.315.988.539	309.255.173.655
411	1. Vốn cổ phần	23.1	187.110.000.000	187.110.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		187.110.000.000	187.110.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	29.926.933.100	29.926.933.100
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	23.1	2.781.094.734	1.893.429.039
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	93.898.657.949	89.824.660.684
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		86.717.830.752	45.441.375.949
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		7.180.827.197	44.383.284.735
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23.5	2.599.302.756	500.150.832
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.167.193.692.199	324.037.560.175



Nguyễn Thế An
Người lập/Kế toán trưởng



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	29.483.885.048	1.386.240.063.216
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(23.357.775.209)	(1.366.711.755.658)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.126.109.839	19.528.307.558
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	13.129.637.510	49.635.575.297
22	5. Chi phí tài chính	26	(159.109.927)	(5.134.732.806)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	5.132.900.852
25	6. Chi phí bán hàng		-	(3.296.845.577)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(10.542.072.261)	(16.436.853.863)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.554.565.161	44.295.450.609
31	9. Thu nhập khác	28	788.073.512	114
32	10. Chi phí khác		(300.000.048)	(238.362.136)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác		488.073.464	(238.362.022)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.042.638.625	44.057.088.587
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(1.860.388.502)	(2.979.160.057)
60	14. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		7.182.250.123	41.077.928.530
61	15. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		7.180.827.197	44.383.284.735
62	16. Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	23.5	1.422.926	(3.305.356.205)
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	23.4		2.301
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	23.4		2.301

Nguyễn Thế An
Người lập/Kế toán trưởng

Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.042.638.625	44.057.088.587
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	12	98.088.330	1.189.570.214
03	Dự phòng		1.280.135.557	-
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(6.258.358)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(13.454.232.928)	(49.628.583.558)
06	Chi phí lãi vay		-	5.132.900.852
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(3.033.370.416)	744.717.737
09	Tăng các khoản phải thu		(44.865.293.591)	(41.542.570.326)
10	Giảm hàng tồn kho		70.160.229	4.270.087.682
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		3.993.165.715	(32.833.936.170)
12	Tăng chi phí trả trước		(71.376.974)	(351.969.625)
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(5.132.900.852)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(1.345.882.907)	(4.408.147.361)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.680.927.695)	(1.593.648.979)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(46.933.525.639)	(80.848.367.894)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(839.616.727)	(13.808.292.003)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ và các tài sản khác		115.760.000.000	-
23	Tiền chi hợp tác kinh doanh		(118.300.000.000)	(75.600.000.000)
24	Tiền thu hồi hợp tác kinh doanh		299.500.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(314.161.988.965)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		48.790.646.567	60.876.358.164
27	Tiền thu lãi tiền gửi, hợp tác kinh doanh		25.242.740.000	8.857.953
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		55.991.780.875	(28.523.075.886)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu góp vốn từ cổ đông không kiểm soát		150.000.000	500.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		-	319.985.506.500
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	(218.199.684.980)
36	Cổ tức đã trả	23.2	(7.458.420.400)	(13.110.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(7.308.420.400)	102.272.711.520
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.749.834.836	(7.098.732.260)
60	Tiền đầu năm		1.983.025.208	9.075.499.110
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	6.258.358
70	Tiền cuối năm	5	3.732.860.044	1.983.025.208



Nguyễn Thế An
Người lập/Kế toán trưởng



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần TCO Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH & ĐT") Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 09/2012/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 27 tháng 2 năm 2012.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sửa chữa máy móc, thiết bị; cung cấp dịch vụ logistics và dịch vụ đại lý tàu biển; và bán buôn gạo.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 189 đường đi Đình Vú, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 74 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 55 người).

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có ba (3) công ty con trực tiếp và hai (2) công ty con gián tiếp như sau:

Công ty	Trụ sở	Hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ lợi ích biểu quyết %	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích biểu quyết %	Quyền biểu quyết
(1) Công ty Cổ phần TCO Logistics	Thành phố Hồ Chí Minh ("TP. HCM")	Dịch vụ logistic và vận tải	99,96	99,96	-	-
(2) Công ty Cổ phần TCO Agri	TP. HCM	Buôn bán gạo	99,95	99,95	-	-
(3) Công ty Cổ phần TCO Real Estate	TP. HCM	Kinh doanh bất động sản	99,95	99,95	-	-
(4) Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia	TP. HCM	Dịch vụ logistic và vận tải	89,96	90,00	-	-
(5) Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An	Tỉnh An Giang	Buôn bán gạo	99,62	99,67	-	-
(6) Công ty Cổ phần Logistic Tasa Duyên Hải	Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ logistic và vận tải	-	-	99,00	99,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	20 - 45 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	11 - 20 năm
Máy móc thiết bị	2 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 5 năm
Khác	5 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng; và
- ▶ Chi phí nâng cấp tài sản đi thuê.

3.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí đất, chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là không quá mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của HĐQT và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quý đầu tư và phát triển

Quý này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quý khen thưởng, phúc lợi

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quý phát triển thị trường

Quý này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng và phát triển thị trường kinh doanh của Nhóm Công ty.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Thành lập Công ty Cổ phần TCO Logistics

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc góp vốn vào Công ty Cổ phần TCO Logistics ("TCO Logistics") với số tiền là 116.670.000.000 VND, tương đương 99,96% tỷ lệ lợi ích trong TCO Logistics.

4.2 Thành lập Công ty Cổ phần TCO Agri

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc góp vốn vào Công ty Cổ phần TCO Agri ("TCO Agri") với số tiền là 101.660.000.000 VND, tương đương 99,95% tỷ lệ lợi ích trong TCO Agri.

4.3 Thành lập Công ty Cổ phần TCO Real Estate

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc góp vốn vào Công ty Cổ phần TCO Real Estate ("TCO Real Estate") với số tiền là 98.670.000.000 VND, tương đương 99,95% tỷ lệ lợi ích trong TCO Real Estate.

4.4 Mua Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã mua 90% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0316357461, do Sở KH & ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 30 tháng 6 năm 2020. Lĩnh vực kinh doanh chính của An Gia là cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.4 Mua Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia (tiếp theo)

Giá trị hợp lý tạm tính của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của An Gia vào ngày mua được trình bày dưới đây:

	VND
	<i>Giá trị hợp lý tạm tính ghi nhận vào ngày mua</i>
Tài sản	51.795.317.206
Tiền	149.912.766
Các khoản phải thu	8.843.487.995
Hàng tồn kho	226.489.344
Tài sản cố định hữu hình	29.971.327.025
Các tài sản ngắn hạn khác	2.581.812.143
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9.179.942.164
Tài sản dài hạn khác	842.345.769
Nợ phải trả	31.256.079.817
Vay	21.251.632.000
Phải trả người bán	4.827.525.086
Người mua trả tiền trước	4.703.269.470
Phải trả khác	473.653.261
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý tạm tính	20.539.237.389
Cổ đông không kiểm soát	(2.061.842.396)
Lãi do giao dịch mua rẻ	(477.394.993)
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	18.000.000.000
	VND
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	149.912.766
Tiền chi để mua công ty con	18.000.000.000
Tổng tiền thuần chi cho nghiệp vụ mua	17.850.087.234

Tài sản thuần được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên ước tính tạm thời về giá trị hợp lý do Công ty đang trong quá trình làm việc với đơn vị tư vấn độc lập đánh giá về giá trị của tài sản và nợ phải của An Gia. Việc định giá này vẫn chưa hoàn thành vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất được phê duyệt phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.5 Mua Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã mua 99,67% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1602084376, do Sở KH & ĐT Tỉnh An Giang cấp vào ngày 30 tháng 10 năm 2018. Lĩnh vực kinh doanh chính của Nam An là xay xát và buôn bán các loại gạo xuất khẩu và nội địa.

Giá trị hợp lý tạm tính của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Nam An vào ngày mua được trình bày dưới đây:

	VND
	<i>Giá trị hợp lý tạm tính ghi nhận vào ngày mua</i>
Tài sản	913.023.561.028
Tiền	2.688.098.269
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	54.920.581.824
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	39.647.640.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	686.351.088.250
Phải thu ngắn hạn khác	34.147.945
Hàng tồn kho	56.862.726.531
Chi phí trả trước ngắn hạn	108.215.120
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9.279.239.686
Tài sản cố định hữu hình	42.961.510.570
Tài sản cố định vô hình	18.328.564.098
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	784.410.000
Chi phí trả trước dài hạn	57.338.735
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	1.000.000.000
Nợ phải trả	811.255.340.642
Phải trả người bán ngắn hạn	2.983.210.700
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	375.192.380.163
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.806.213.482
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.690.961.897
Phải trả ngắn hạn khác	10.574.400
Vay	421.572.000.000
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý tạm tính	101.768.220.386
Cổ đông không kiểm soát	(387.468.225)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (<i>Thuyết minh số 15</i>)	197.619.247.839
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	299.000.000.000
	VND
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	2.688.098.269
Tiền chi để mua công ty con	299.000.000.000
Tổng tiền thuần chi cho nghiệp vụ mua	296.311.901.731

Tài sản thuần được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên ước tính tạm thời về giá trị hợp lý do Công ty đang trong quá trình làm việc với đơn vị tư vấn độc lập đánh giá về giá trị của tài sản và nợ phải của Nam An. Việc định giá này vẫn chưa hoàn thành vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất được phê duyệt phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.6 Chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Tasa Duyên Hải Logistics

Vào ngày 1 tháng 10 năm 2023, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Tasa Duyên Hải Logistics ("Tasa Duyên Hải") cho các đối tác với tổng giá phí là 49.500.000.000 VND. Theo đó, chênh lệch giữa giá chuyển nhượng và giá trị tài sản thuần trong Tasa Duyên Hải thuộc sở hữu của Nhóm Công ty tại ngày này là 156.580.584 VND đã ghi nhận vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (*Thuyết minh số 26*).

5. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	520.226.580	611.361.768
Tiền gửi ngân hàng	3.212.633.464	1.371.663.440
TỔNG CỘNG	3.732.860.044	1.983.025.208

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	54.920.581.824	-
Dài hạn		
Trái phiếu (ii)	1.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	55.920.581.824	-

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 5,9%/năm đến 7,5%/năm. Trong đó, Nhóm Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền là 50.000.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (*Thuyết minh số 21.1*).

(ii) Đây là 10.000 trái phiếu không chuyển đổi và kèm chứng quyền mã số CTG2232T2/01 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam. Trái phiếu này được hoàn trả sau mười (10) năm kể từ ngày phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thực phẩm Thiên nhiên King Green	16.074.940.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bến Vân Đồn	9.308.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Tâm An	8.284.500.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh và Xuất Nhập khẩu Trường Thịnh	-	3.004.861.617
Các khách hàng khác	11.109.784.718	5.061.205.482
TỔNG CỘNG	44.777.224.718	8.066.067.099
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.280.135.557)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	43.497.089.161	8.066.067.099

Tình hình (tăng) giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Dự phòng trích lập trong năm	1.280.135.557	-
Số cuối năm	1.280.135.557	-

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Giải pháp IDS	140.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Hồng Phát	110.687.650.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Đầu tư Vạn Thiên Phát	101.728.674.250	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu An Huy	97.416.315.000	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Gravity	87.625.000.000	-
Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận	-	70.160.904.000
Khác	155.672.064.955	73.720.456
TỔNG CỘNG	693.129.704.205	70.234.624.456

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	305.861.341	241.133.800.032
Tạm ứng nhân viên để thực hiện hoạt động kinh doanh	206.541.915	2.645.473.000
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	181.200.000.000
Đặt cọc nhận chuyển nhượng khoản đầu tư	-	44.930.000.000
Lãi hợp tác đầu tư	-	12.120.000.000
Khác	99.319.426	238.327.032
Dài hạn	534.342.260	467.808.000
Ký quỹ	534.342.260	467.808.000
TỔNG CỘNG	840.203.601	241.601.608.032
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên khác</i>	834.823.662	241.601.608.032
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	5.379.939	-

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	39.670.890.670	-
Hàng gửi đi bán	17.466.274.224	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	226.489.344	-
Công cụ, dụng cụ	-	130.296.375
TỔNG CỘNG	57.363.654.238	130.296.375
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(274.438.363)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	57.089.215.875	130.296.375

Tình hình tăng dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	274.438.363	-
Số cuối năm	274.438.363	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	453.241.300	54.172.919
Công cụ, dụng cụ	185.016.601	-
Thuê văn phòng	161.618.863	-
Khác	106.605.836	54.172.919
Dài hạn	1.916.085.706	1.105.082.037
Công cụ, dụng cụ	1.297.184.135	418.397.906
Chi phí cải tạo văn phòng	595.099.155	385.576.033
Khác	23.802.416	301.108.098
TỔNG CỘNG	<u>2.369.327.006</u>	<u>1.159.254.956</u>

Công ty Cổ phần TCO Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	-	31.348.182	43.727.274	1.248.869.091	-	1.323.944.547
Mua mới	79.616.727	-	-	-	-	79.616.727
Tăng do hợp nhất kinh doanh	22.201.320.476	40.796.581.713	-	37.610.511.031	120.000.000	100.728.413.220
Thanh lý	-	(31.348.182)	(43.727.274)	(1.248.869.091)	-	(1.323.944.547)
Giảm do thanh lý công ty con	(79.616.727)	-	-	-	-	(79.616.727)
Số cuối năm	22.201.320.476	40.796.581.713	-	37.610.511.031	120.000.000	100.728.413.220
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	-	(31.348.182)	(43.727.274)	(405.882.432)	-	(480.957.888)
Khấu hao trong năm	(4.423.152)	-	-	(93.665.178)	-	(98.088.330)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	(4.866.764.219)	(15.169.627.400)	-	(7.723.893.683)	(35.290.323)	(27.795.575.625)
Thanh lý	-	31.348.182	43.727.274	499.547.610	-	574.623.066
Giảm do thanh lý công ty con	4.423.152	-	-	-	-	4.423.152
Số cuối năm	(4.866.764.219)	(15.169.627.400)	-	(7.723.893.683)	(35.290.323)	(27.795.575.625)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	-	-	-	842.986.659	-	842.986.659
Số cuối năm	17.334.556.257	25.626.954.313	-	29.886.617.348	84.709.677	72.932.837.595
Trong đó:						
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 21)	12.108.449.609	11.307.505.299	-	29.768.235.681	-	53.184.190.589

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	<u>19.333.463.806</u>
Số cuối năm	<u>19.333.463.806</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	<u>(1.004.899.708)</u>
Số cuối năm	<u>(1.004.899.708)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	<u>18.328.564.098</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 21)</i>	<i>18.328.564.098</i>

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	VND
		Số đầu năm
Sà lan và thiết bị (*)	9.179.942.164	-
Máy móc đang lắp đặt	<u>784.410.000</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>9.964.352.164</u>	-

(*) Một phần sà lan và thiết bị đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND	
	Nam An	
Nguyên giá:		
Số đầu năm		-
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 4)	197.619.247.839	-
Số cuối năm	197.619.247.839	-
Phân bổ lũy kế:		
Số đầu năm và số cuối năm		-
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		-
Số cuối năm	197.619.247.839	-

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Vạn Lợi	2.983.210.700	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Nhơn Thịnh Phú	1.661.315.400	-
Công ty TNHH Phạm Trí Nguyễn	1.467.079.506	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	200.000.000	624.822.000
Khác	2.354.378.739	1.782.689.941
TỔNG CỘNG	8.665.984.345	2.407.511.941

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quốc Tế Gia	199.216.058.747	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thuận Minh	175.914.638.763	-
Khác	4.764.952.123	193.182.254
TỔNG CỘNG	379.895.649.633	193.182.254

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giảm do thanh lý công ty con	Tăng do hợp nhất kinh doanh	VND Số cuối năm
Phải nộp						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	663.093.328	1.841.732.737	(1.345.882.907)	(17.113.998)	7.774.721.646	8.741.350.806
Thuế giá trị gia tăng	59.591.750	2.487.853.669	(2.312.874.165)	(234.110.825)	-	460.429
Thuế thu nhập cá nhân	51.612.120	782.615.428	(740.312.691)	(70.021.275)	1.294.814	25.188.396
Thuế khác	-	8.000.000	(8.000.000)	-	129.617.779	129.617.779
TỔNG CỘNG	774.297.198	5.120.201.834	(4.407.069.763)	(321.246.098)	7.905.634.239	9.071.817.410
Phải thu						
Thuế giá trị gia tăng	1.041.625	1.707.852.506	(1.520.546.751)	-	11.581.361.407	11.769.708.787
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.655.765	-	(18.655.765)	-	-	-
TỔNG CỘNG	19.697.390	1.707.852.506	(1.539.202.516)	-	11.581.361.407	11.769.708.787

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	552.399.438	-
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	310.000.000	-
Chi phí điện phải trả	244.985.047	-
Chi phí phải trả hãng tàu	-	671.758.000
Khác	3.221.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>4.328.384.485</u>	<u>671.758.000</u>

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	4.328.702.957	8.121.704.502
Cổ tức phải trả	644.525.900	8.102.946.300
Ký quỹ đã nhận	58.000.000	-
Phải trả khác	3.626.177.057	18.758.202
Dài hạn	-	15.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	-	15.000.000
TỔNG CỘNG	<u>4.328.702.957</u>	<u>8.136.704.502</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Phải trả các bên khác	840.040.630	5.080.004.262
- Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	3.488.662.327	3.056.700.240

21. VAY

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
	<i>Tăng do hợp nhất kinh doanh</i>	
Ngắn hạn	-	416.460.536.000
Vay ngân hàng		
(Thuyết minh số 21.1)	-	405.822.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả		
(Thuyết minh số 21.2)	-	10.638.536.000
Dài hạn	-	26.363.096.000
Vay ngân hàng		
(Thuyết minh số 21.2)	-	26.363.096.000
TỔNG CỘNG	<u>-</u>	<u>442.823.632.000</u>

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		(% /năm)	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 2				
Khoản vay 1	300.000.000.000	Từ ngày 1 tháng 4 năm 2024 đến ngày 3 tháng 5 năm 2024	7,3	Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 50.000.000.000 VND thuộc sở hữu của Nam An; Các quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu bởi các cá nhân.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 2 – Thành phố Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	64.822.000.000	Từ ngày 5 tháng 4 năm 2024 đến ngày 18 tháng 4 năm 2024	7,5	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Thừa đất số 49, 50, 51, 52, 63, 79, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 100, 138, 139, Tờ bản đồ số 139, Huyện Long Hòa, Quận Phú Tân, Tỉnh An Giang thuộc sở hữu của Nam An; Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Nam An.
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh An Giang				
Khoản vay 1	24.000.000.000	Từ ngày 10 tháng 2 năm 2024 đến ngày 18 tháng 2 năm 2024	8,0	Hàng tồn kho (gạo các loại) thuộc sở hữu bởi Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Vi.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang				
Khoản vay 1	17.000.000.000	Từ ngày 13 tháng 6 năm 2024 đến ngày 15 tháng 6 năm 2024	9,0	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Thừa đất số 35, 53, 110, Tờ bản đồ số 39, Huyện Long Hòa, Quận Phú Tân, Tỉnh An Giang thuộc sở hữu của Nam An; Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Thừa đất số 16, Tờ bản đồ số 77, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An thuộc sở hữu của Nam An.
TỔNG CỘNG	405.822.000.000			

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 2 – Thành phố Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	15.750.000.000	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2024 đến ngày 25 tháng 5 năm 2027 dự án Nhà máy chế biến lúa gạo và kho bảo quản sản phẩm	Thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của	10,7	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 49, 50, 51, 52, 63, 79, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 100, 138, 139, Tờ bản đồ số 139, Huyện Long Hòa, Quận Phú Tân, Tỉnh An Giang thuộc sở hữu của Nam An; Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Nam An.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai					
Khoản vay 1	8.158.332.000	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2024 đến ngày 2 tháng 6 năm 2026	Mua phương tiện vận tải	8,0	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.
Khoản vay 2	1.605.500.000	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2024 đến ngày 26 tháng 2 năm 2027	Mua phương tiện vận tải	8,0	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam					
Khoản vay 1	7.199.800.000	Từ ngày 27 tháng 1 năm 2024 đến ngày 5 tháng 7 năm 2029	Đầu tư đóng mới sà lan	Thả nổi	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 – Thành phố Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	3.370.000.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2024 đến ngày 29 tháng 6 năm 2029	Thanh toán chi phí đầu tư	Thả nổi	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong					
Khoản vay 1	270.000.000	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2024 đến ngày 1 tháng 2 năm 2026	Mua phương tiện vận tải	Thả nổi	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.
Khoản vay 2	270.000.000	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2024 đến ngày 1 tháng 2 năm 2026	Mua phương tiện vận tải	Thả nổi	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.
Khoản vay 3	378.000.000	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2024 đến ngày 29 tháng 4 năm 2026	Mua phương tiện vận tải	Thả nổi	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.

TỔNG CỘNG

37.001.632.000

Trong đó:

Vay dài hạn

26.363.096.000

Vay dài hạn

10.638.536.000

đến hạn trả

22. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước	VND
Số đầu năm	941.374.075	162.863.107	
Trích lập	1.331.498.542	1.423.295.968	
Sử dụng quỹ	(793.262.000)	(644.785.000)	
Số cuối năm	1.479.610.617	941.374.075	

Công ty Cổ phần TCO Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	187.110.000.000	29.926.933.100	944.565.060	-	56.246.799.875	274.228.298.035
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	44.383.284.735	44.383.284.735
Phân phối lợi nhuận	-	-	948.863.979	948.863.979	(3.321.023.926)	(1.423.295.968)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(7.484.400.000)	(7.484.400.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(948.863.979)	-	(948.863.979)
Số cuối năm	187.110.000.000	29.926.933.100	1.893.429.039	-	89.824.660.684	308.755.022.823
Năm nay						
Số đầu năm	187.110.000.000	29.926.933.100	1.893.429.039	-	89.824.660.684	308.755.022.823
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	7.180.827.197	7.180.827.197
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	887.665.695	887.665.695	(3.106.829.932)	(1.331.498.542)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(887.665.695)	-	(887.665.695)
Số cuối năm	187.110.000.000	29.926.933.100	2.781.094.734	-	93.898.657.949	313.716.685.783

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt việc trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ phát triển thị trường với số tiền lần lượt là 887.665.695 VND, 1.331.498.542 VND và 887.665.695 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm và cuối năm	<u>187.110.000.000</u>	<u>187.110.000.000</u>
Cổ tức đã chia		
Cổ tức đã trả bằng tiền	7.458.420.400	-
Cổ tức đã công bố		7.484.400.000

23.3 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	18.711.000	18.711.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết và không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.4 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.180.827.197	44.383.284.735
Trừ: Quý khen thưởng, phúc lợi (*)	<u>215.467.504</u>	<u>1.331.498.542</u>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	<u>6.965.359.693</u>	<u>43.051.786.193</u>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	18.711.000	18.711.000
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm đã được điều chỉnh	18.711.000	18.711.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	372	2.301
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	372	2.301

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 5 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được điều chỉnh lại cho khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2022 được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 6 năm 2023.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

23.5 Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	500.150.832	35.564.107.144
Lợi nhuận (lỗ) thuần trong năm	1.422.926	(3.305.356.205)
Tăng do cổ đông không kiểm soát góp vốn	150.000.000	500.000.000
Tăng do hợp nhất công ty	2.449.310.621	-
Giảm do thanh lý công ty con	<u>(501.581.623)</u>	<u>(32.258.600.107)</u>
Số cuối năm	<u>2.599.302.756</u>	<u>500.150.832</u>

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ bãi	23.520.355.150	27.490.598.831
Doanh thu cước vận tải biển	4.406.567.698	63.155.592.219
Doanh thu vận tải	1.440.202.200	15.658.181.829
Doanh thu bán hàng hóa	-	1.279.905.690.337
Doanh thu khác	116.760.000	30.000.000
DOANH THU THUẦN	29.483.885.048	1.386.240.063.216

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ hợp tác kinh doanh, hợp tác đầu tư	13.122.740.000	7.200.000.000
Lãi chuyển nhượng công ty con	-	42.419.725.605
Khác	6.897.510	15.849.692
TỔNG CỘNG	13.129.637.510	49.635.575.297

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ bãi	18.881.993.727	24.326.885.896
Giá vốn cước vận tải biển	3.233.829.932	53.742.175.004
Giá vốn dịch vụ vận tải	1.241.951.550	14.595.202.405
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	1.274.047.492.353
TỔNG CỘNG	23.357.775.209	1.366.711.755.658

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ do thanh lý công ty con	156.580.584	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.979.046	733.381
Lãi vay	-	5.132.900.852
Khác	550.297	1.098.573
TỔNG CỘNG	159.109.927	5.134.732.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.820.537.184	9.808.087.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.629.591.005	3.340.398.216
Chi phí khấu hao tài sản cố định	93.665.178	1.189.570.214
Chi phí nguyên vật liệu	-	262.540.870
Khác	1.998.278.894	1.836.257.485
TỔNG CỘNG	<u>10.542.072.261</u>	<u>16.436.853.863</u>

28. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác	300.000.000	-
Khác	488.073.512	114
TỔNG CỘNG	<u>788.073.512</u>	<u>114</u>

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.094.472.445	96.004.661.521
Chi phí nhân viên	9.872.923.934	13.104.932.655
Chi phí vật tư	1.750.958.950	-
Dự phòng	1.280.135.557	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.088.330	1.189.570.214
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	1.274.047.492.353
Chi phí khác	803.268.254	2.098.798.355
TỔNG CỘNG	<u>33.899.847.470</u>	<u>1.386.445.455.098</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.860.388.502	2.263.315.015
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	715.845.042
TỔNG CỘNG	<u>1.860.388.502</u>	<u>2.979.160.057</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>9.042.638.625</u>	<u>44.057.088.587</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	1.868.527.725	8.811.417.717
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	112.786.674	17.920.000
(Lỗ) lợi nhuận từ thanh lý công ty con được ghi nhận ở báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	31.316.117	(7.763.945.120)
Lãi từ giao dịch mua rẻ	(95.478.999)	-
Lỗ từ công ty con	3.236.985	1.197.922.418
Lỗ từ năm trước chuyển sang	-	715.845.042
Chi phí thuế TNDN	<u>1.860.388.502</u>	<u>2.979.160.057</u>

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 16.184.925 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2023	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2023
2023 (i)	2028	16.184.925 (*)	-	-	16.184.925
TỔNG CỘNG		16.184.925	-	-	16.184.925

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 3.236.985 VND do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

30.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	VND		
			Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2023	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2023	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2023
2022 (i)	2027	7.885.299.841	-	-	7.885.299.841
2023 (i)	2028	21.359.981.616	-	-	21.359.981.616
TỔNG CỘNG		29.245.281.457	-	-	29.245.281.457

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại trị giá 5.849.056.291 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan với Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
TCO Agri	Công ty con (từ ngày 7 tháng 12 năm 2023)
TCO Real Estate	Công ty con (từ ngày 7 tháng 12 năm 2023)
TCO Logistics	Công ty con (từ ngày 7 tháng 12 năm 2023)
An Gia	Công ty con gián tiếp (từ ngày 30 tháng 12 năm 2023)
Nam An	Công ty con gián tiếp (từ ngày 30 tháng 12 năm 2023)
Tasa Duyên Hải	Công ty con (đến ngày 1 tháng 10 năm 2023)
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 18 tháng 11 năm 2023)
Ông Phạm Duy	Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 30 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023) Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Nam Hùng	Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023) Chủ tịch HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023) Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 7 năm 2023 đến ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Ông Phan Thanh Bình	Phó Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023) Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 7 năm 2023)
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Thành viên HĐQT (từ ngày 18 tháng 11 năm 2023) Tổng Giám đốc (từ ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Ông Đào Việt Anh	Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 18 tháng 11 năm 2023)
Ông Phạm Trần Ái Trung	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023)
Ông Nguyễn Thế An	Kế toán trưởng (từ ngày 26 tháng 9 năm 2023)
Bà Lê Thị Thanh Phương	Kế toán trưởng (từ ngày 4 tháng 7 năm 2023 đến ngày 26 tháng 9 năm 2023)
Bà Nguyễn Thu Thủy	Kế toán trưởng (đến ngày 4 tháng 7 năm 2023)
Bà Lữ Kiều An	Phụ trách quản trị (từ ngày 26 tháng 9 năm 2023)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách bên liên quan với Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Lê Khánh Toàn	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 26 tháng 9 năm 2023)
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Cổ đông lớn (từ ngày 23 tháng 8 năm 2023)
Ông Nguyễn Duy Dinh	Cổ đông lớn (đến ngày 10 tháng 5 năm 2023)
Công ty Cổ phần Hiên Nam	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT (từ ngày 18 tháng 11 năm 2023)
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ và Đầu tư Hoa Thiên Lý	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT (từ ngày 18 tháng 11 năm 2023)
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Dầu tầm tơ Việt Nam	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Quý Thành Công (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quý Hợp lực)	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT (đến ngày 16 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tazon	Công ty có liên quan đến Phó Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Oriental Cove	Công ty có liên quan đến Phó Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần AllFarm	Công ty có liên quan đến Phó Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty TNHH Thương mại Delifarm	Công ty có liên quan đến Phó Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa Hòa Phát	Công ty có liên quan đến Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023)
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư IR Việt Nam	Công ty có liên quan đến Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023)
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ Quy Nhơn	Công ty có liên quan đến Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kita Group	Công ty có liên quan đến Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i>
			<i>Năm trước</i>
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Cho Công ty mượn tiền	3.488.662.327	-
	Tạm ứng công tác phí	10.000.000	-
Ông Nguyễn Duy Dinh	Cổ tức phải trả	-	1.588.719.200
Ông Đàm Mạnh Cường	Cổ tức phải trả	-	1.464.014.600
Bà Nguyễn Thu Thủy	Cổ tức phải trả	-	2.052.000
Bà Cao Thu Hằng	Cổ tức phải trả	-	1.914.440

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải trả với các bên liên quan như sau

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i>
			<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Tạm ứng công tác phí	<u>5.379.939</u>	<u>-</u>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>			
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Mượn tiền	3.488.662.327	-
Ông Nguyễn Duy Dinh	Cổ tức phải trả	-	1.588.719.200
Ông Đàm Mạnh Cường	Cổ tức phải trả	-	1.464.014.600
Bà Nguyễn Thu Thủy	Cổ tức phải trả	-	2.052.000
Bà Cao Thu Hằng	Cổ tức phải trả	-	1.914.440
		<u>3.488.662.327</u>	<u>3.056.700.240</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao và tiền lương của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và Ban Kiểm toán Nội bộ trong năm như sau:

Cá nhân	Vị trí	Thù lao	
		Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 18 tháng 11 năm 2023)	72.166.667	-
Ông Nguyễn Nam Hùng	Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023) Chủ tịch HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023) Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 7 năm 2023 đến ngày 14 tháng 9 năm 2023)	576.923	-
Ông Phạm Duy	Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 30 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023) Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023)	961.538	-
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)	71.076.923	126.000.000
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)	54.461.538	91.000.000
Ông Phan Thanh Bình	Phó Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023) Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 7 năm 2023)	342.118.538	541.716.000
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Thành viên HĐQT (từ ngày 18 tháng 11 năm 2023) Tổng Giám đốc (từ ngày 14 tháng 9 năm 2023)	38.300.000	-
Ông Đào Việt Anh	Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)	34.038.462	58.000.000
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 18 tháng 11 năm 2023)	4.300.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao và tiền lương của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và Ban Kiểm toán Nội bộ trong năm như sau: (tiếp theo)

Cá nhân	Vị trí	Thù lao	
		Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Trần Ái Trung	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023)	576.923	-
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)	34.038.462	58.000.000
Ông Lê Khánh Toàn	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 26 tháng 9 năm 2023)	174.209.000	276.264.000
Bà Lữ Kiều An	Phụ trách quản trị (từ ngày 26 tháng 9 năm 2023)	20.000.000	-
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán Nội bộ	116.248.000	149.079.000
Bà Nguyễn Thu Thủy	Kế toán trưởng (đến ngày 4 tháng 7 năm 2023)	197.052.000	310.940.000
Ông Nguyễn Thế An	Kế toán trưởng (từ ngày 26 tháng 9 năm 2023)	64.000.000	-
Bà Lê Thị Thanh Phương	Kế toán trưởng (từ ngày 4 tháng 7 năm 2023 đến ngày 26 tháng 9 năm 2023)	-	-
TỔNG CỘNG		1.224.124.974	1.610.999.000

32. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng, kho bãi theo các hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.205.279.775	3.164.808.000
Từ 1 đến 5 năm	7.353.789.138	1.526.004.000
TỔNG CỘNG	9.559.068.913	4.690.812.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo khu vực địa lý không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	VND			
	<i>Cung cấp dịch vụ</i>	<i>Kinh doanh thương mại</i>	<i>Các khoản loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	29.553.485.048	-	(69.600.000)	29.483.885.048
Doanh thu bộ phận	29.553.485.048	-	(69.600.000)	29.483.885.048
Chi phí bộ phận	(33.969.447.470)	-	69.600.000	(33.899.847.470)
Lỗ bộ phận	(4.415.962.422)	-	-	(4.415.962.422)
Thu nhập tài chính				12.970.527.583
Chi phí khác				788.073.464
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(1.860.388.502)
Lợi nhuận kế toán sau thuế				7.482.250.123
Tài sản bộ phận	690.560.883.332	913.023.561.028	(436.390.752.161)	1.167.193.692.199
Nợ phải trả bộ phận	39.632.363.018	811.255.340.642	(10.000.000)	850.877.703.660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày


33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)


	VND			
	<i>Kinh doanh dịch vụ</i>	<i>Kinh doanh thương mại</i>	<i>Các khoản loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	106.349.372.879	1.279.905.690.337	(15.000.000)	1.386.240.063.216
Doanh thu bộ phận	106.349.372.879	1.279.905.690.337	(15.000.000)	1.386.240.063.216
Chi phí bộ phận	(105.931.053.075)	(1.280.529.402.023)	15.000.000	(1.386.445.455.098)
Lợi nhuận (lỗ) bộ phận	418.319.804	(623.711.686)	-	(205.391.882)
Thu nhập tài chính				44.500.842.491
Chi phí khác				(238.362.022)
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(2.979.160.057)
Lợi nhuận kế toán sau thuế				41.077.928.530
Tài sản bộ phận	375.987.560.175		-(51.950.000.000)	324.037.560.175
Nợ phải trả bộ phận	17.217.386.520		-(2.450.000.000)	14.767.386.520

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 11 năm 2023, cổ đông Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu của Công ty để hoán đổi lấy cổ phiếu của công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Vi ("An Vi"). Vào ngày 23 tháng 2 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua triển khai việc hoán đổi theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02.2/2024/NQ-HĐQT.


Nguyễn Thế An
Người lập/Kế toán trưởng




Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2024